TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 3 - 2019
V/v ly hôn giữa anh S và chị T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Xuân Tiến

Bà Đào Thị Thu Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng, Thư ký tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa: Ông Đặng Xuân Tự - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn S, sinh năm 1989;

Cư trú tại: Xóm 16, thôn Y, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (có mặt)

- Bị đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1994;

Cư trú tại: Xóm 17, thôn Y , xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn anh Lê Văn S trình bày: Anh và chị Phạm Thị T đăng ký kết hôn ngày 21/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc luôn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau. Đến giữa năm 2013 chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở, từ đó vợ chồng anh sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân

không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị T.

Về con chung, tài sản chung và công nợ chung: Anh và chị T không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 28/3/2019 bị đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh S tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 21/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh S đi ngoại tình và có con riêng với người khác. Từ năm 2015 vợ chồng chị sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh S làm đơn ly hôn chị không nhất trí , vì giữa chị và anh S còn vấn đề tài sản chưa được giải quyết.

Về con chung: Chị và anh S không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Trước khi kết hôn với anh S chị có 04 chỉ vàng do bố mẹ chị cho, đây là tài sản riêng của chị. Sau khi kết hôn được mấy ngày chị đưa cho anh S để góp vốn làm ăn kinh doanh với anh trai của S là anh Lê Văn D. Khi ly hôn chị yêu cầu anh S phải trả lại cho chị 04 chỉ vàng 9999, ngoài ra chị không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa: Anh S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, quan điểm đã trình bầy và đề nghị nêu trên; về yêu cầu giải quyết tài sản của chị T: Anh S thừa nhận sau khi kết hôn có nhận của chị T 04 chỉ vàng 9999, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết mà để anh tự thỏa thuận với chị T sau. Chị T trình bày, chị và anh S đã sống ly thân từ năm 2013, tình cảm vợ chồng không còn, nhưng vấn đề tài sản chưa được giải quyết nên chị không nhất trí ly hôn với anh S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ vụ án của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí và lệ phí Toà án. Đề nghị xử cho anh Lê Văn S ly hôn với chị Phạm Thị T.

Về con chung, tài sản chung và công nợ chung: Anh S và chị T không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản riêng: Quá trình tố tụng tại Tòa án các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa chị T mới có yêu cầu là không phù hợp với quy định của pháp luật, nên không căn cứ chấp nhận để xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh S phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn S và chị Phạm Thị T kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc, đã sống ly thân từ năm 2013 không quan tâm gì với nhau nữa. Nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh S đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn, chị T không đồng ý vì giữa chị và anh S còn liên quan đến vấn đề tài sản chưa được giải quyết.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa anh S và chị T không hạnh phúc, sống ly thân đã lâu, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn chị Phạm Thị T của anh Lê Văn S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh S và chị T không có, không đề nghị giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản riêng: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có yêu cầu Tòa án xem xét. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa chị T mới đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về tài sản là vượt quá phạm vi, yêu cầu khởi kiện, theo quy định tại khoản 1 Điều 5; khoản 3 điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, yêu cầu của chị T không có căn cứ để chấp nhận, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết. Việc giải quyết chia tài sản riêng của chị T với anh S sẽ được xem xét bằng một vụ, việc dân sự khác nếu các đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Anh Lê Văn S phải nộp án phí ly hôn theo quy định của của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

1. Xử ly hôn giữa anh Lê Văn S và chị Phạm Thị T

2. Về án phí: Anh Lê Văn S phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh S đã nộp theo Biên lai số 0002125 ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực (anh S đã nộp đủ án phí).

3. Quyền kháng cáo: Anh Lê Văn S và chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Ánh

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS Huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.